

Bản án số: 29/2026/HS – ST
Ngày: 14 – 01 – 2026

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Vũ Huy Hoàng

2/ Ông Đặng Văn Ân

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 460/2025/TLST – HS ngày 16/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 447/2025/QĐXXST – HS ngày 26/12/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thuận H, sinh năm 1994, tại Thành phố H; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: B5/33 ấp A, xã V, Thành phố H; chỗ ở: Như trên; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn M; họ và tên mẹ: Mai Thị T (đã chết); hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 25/01/2021, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian chấp hành 21 tháng, theo Quyết định số 114/QĐ – TA. Chấp hành xong vào ngày 16/8/2022, theo Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định số 2409/CN – CS1 ngày 16/8/2022 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2024 (có mặt).

2. Họ và tên: Khổng Minh C, sinh năm 1999, tại tỉnh V; giới tính: Nam; hộ khẩu thường trú: Xóm A, Thôn Phụng L, xã V, tỉnh P; chỗ ở: B8/4H ấp A, xã T, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Họ và tên cha: Không Văn V; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị K; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Đỗ Thị H, có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/6/2024 (có mặt).

Bị hại:

1/ Ông Lâm Văn G, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: A8/23K, ấp A, xã V (xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Trí S, sinh năm: 1998 (có mặt)

Nơi cư trú: A7B/9 ấp 10 (ấp 1B), xã V (xã V, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Mai Thanh T, sinh năm: 2000 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số, ấp 25, xã V (xã V, huyện B cũ), Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Hà Nhân Đ1, sinh năm: 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 38 đường Cây b, ấp A, phường T (xã T, huyện B cũ), Thành phố H.

2/ Ông Đặng Ngọc Đ2, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Nhà không số, ấp A, xã V (xã V, huyện B cũ), Thành phố H.

3/ Ông Trần Văn V, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: B8/44 ấp A, phường T (xã T, huyện B cũ), Thành phố H.

4/ Bà Hoàng Thị Minh H, sinh năm: 1991 (có mặt).

Nơi cư trú: Kế số 38, đường Cây Bàng, ấp 2, xã T (xã T, huyện B cũ) Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thuận H không có nghề nghiệp ổn định nên điều khiển xe đạp đi trên các tuyến đường tìm người có tài sản sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 08/5/2024, khi đạp xe đến trước nhà số A10/13U ấp A, xã V, huyện B thì H phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, biển số: 66N1-025.34 có gắn 01 ba ga của ông Lâm Văn G đang dựng bên ngoài, đang nổ máy, không người trông coi nên H điều khiển xe đạp đến bãi đất trống gần đó cất giấu và lén lút tiếp cận xe mô tô biển số 66N1-025.34, leo

lên xe điều khiển về nhà tại địa chỉ 1870/5/26J Tỉnh lộ 10, Khu phố 1, phường T, quận B cất giấu. Sau đó, H đi bộ quay lại bãi đất trống nơi giấu xe đạp, điều khiển xe đạp về nhà. H tháo biển số xe 66N1-025.34 rồi liên lạc với Khổng Minh C để bán chiếc xe trên với giá 2.000.000 đồng, C đồng ý và hẹn giao dịch tại bãi đất trống thuộc phường T, quận B. Đến ngày 09/5/2024, C và H gặp nhau tại điểm hẹn, rồi H giao xe mô tô trên cho C và nhận 2.000.000 đồng. H không nói nhưng C biết xe phạm tội mà có do giá rẻ, không có biển số, giấy tờ ham rẻ nên mua.

Sau khi mua xe, C điều khiển xe mô tô này về nhà tại B8/4H, ấp A, xã T, huyện B. Tại đây, Hà Nhân Đ1 thấy C có xe mới nên gọi Zalo hỏi C để mua lại xe, C đồng ý. C chạy xe đến chỗ ở của Đ1 thuộc ấp A, xã T, huyện B bán xe mô tô trên với giá 4.000.000 đồng. Lúc bán xe thì C không nói nguồn gốc xe mô tô trên nhưng Đ1 biết xe trên là do phạm tội mà có và điều khiển xe về cất tại nhà kế số 38 đường Cây B, ấp A, xã T rồi đi công tác ở tỉnh.

Sau khi phát hiện mất xe, ông Lâm Văn G đến Công an xã V trình báo sự việc. Công an xã V lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra theo thẩm quyền. Ngày 30/5/2024, nghe tin C bị Công an bắt vì liên quan đến xe mô tô trên nên Đ1 đã nhờ vợ mình là Hoàng Thị Minh H mang xe đến Cơ quan Công an giao nộp. Đến ngày 01/6/2024, Đ1 đến Cơ quan Công an trình diện.

Vụ thứ hai: Khoảng 11 giờ ngày 26/5/2024, Nguyễn Thuận H tiếp tục điều khiển xe đạp chạy đến trước nhà không số ấp 25, xã V, huyện B thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59M1-750.77 của vợ chồng bà Mai Thị T đang dựng trong sân, còn đang cắm chìa khóa. Sau đó, H mang xe đạp đi giấu tại bãi đất trống thuộc ấp 25, xã V rồi đi bộ đến lén lút tiếp cận xe mô tô biển số 59M1-750.77, ngồi lên xe và mở khóa nhưng không khởi động máy được. H đẩy bộ xe đến đường Liên ấp 1-2, xã V, huyện B giấu trong một bụi cây rồi đi bộ một đoạn thì thấy 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Future (không rõ biển số) chạy xe ôm công nghệ Grab nên H dẫn xe máy ra nhờ thanh niên này đẩy giúp xe 59M1-750.77 ra đường Võ Văn V để đi sửa thì được người này đồng ý.

Khi ông Đặng Ngọc Đ2 (cha chồng bà T) phát hiện xe mô tô biển số 59M1-750.77 bị mất trộm thì ông gọi điện thoại thông báo cho bà T thì T nói cho ông Nguyễn Trí S (bạn bà T) biết. Ông S điều khiển xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 59N2-856.13 đuổi theo khi H đang di chuyển trên đường Võ Văn V thì bị anh S phát hiện và tông xe mình đang điều khiển vào xe mô tô biển số 59M1-750.77 do H điều khiển làm cả 02 xe máy ngã xuống đường. Ông S rút chìa khóa xe mô tô biển số 59N2-856.13 (do ổ khóa hư nên xe vẫn còn nổ máy) và chạy lại để không chế H nhưng không thành công; H nhanh chóng chạy đến, dựng xe mô tô biển số 59N2-856.13 của ông S lên và nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát.

Sau khi chiếm được xe mô tô của ông S, H điện thoại và gửi ảnh xe mô tô biển số 59N2-856.13 cho C xem, thỏa thuận mua bán với giá 3.800.000 đồng và hẹn giao dịch tại hẻm số 1686 phường T, quận B. Đến ngày 27/5/2024, H tháo biển số 59N2-856.13 ra, gắn biển số 66N1-025.34 vào và điều khiển xe này đến địa điểm hẹn. C đưa cho H 1.800.000 đồng tiền mặt, do C không có đủ tiền mua

nên mượn của ông Trần Văn V 2.000.000 đồng, V dùng tài khoản ngân hàng VietinBank số 026091002876 của V chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng MB Bank số 0852303008 của C. Sau đó, C chuyển khoản 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng VPBank số 0767618951 của H trả tiền mua xe. C điều khiển xe chạy về nhà rồi tháo biển số 66N1-025.34 ra cất trong nhà do C biết xe trên do H phạm tội mà có, tránh để Công an phát hiện.

C gửi hình ảnh xe mô tô kêu V đăng lên trang “Chợ tốt” để bán xe này với giá 8.000.000 đồng nhưng không nói rõ nguồn gốc xe cho V biết nhưng V biết xe trên là xe gian. Một lúc sau có số điện thoại 086.657.2412 yêu cầu V kết bạn Zalo để trao đổi việc mua xe và hẹn gặp tại nhà V, địa chỉ số: B8/4H, ấp A, xã T, huyện B để giao dịch. Sau đó, có hai nam thanh niên (không rõ lai lịch) điều khiển xe (không rõ biển số) đến mua xe với giá 6.700.000 đồng. Do cần tiền trong tài khoản nên V thỏa thuận với người mua xe chuyển 7.900.000 đồng (6.700.000 đồng tiền mua xe, 1.200.000 đồng tiền V yêu cầu chuyển thêm) từ số tài khoản Momo 0334204658 của TRAN VAN T đến tài khoản ngân hàng VietinBank số 101868245035 của V và V đưa lại cho người này 1.200.000 tiền mặt. Do hai nam thanh niên mua xe có yêu cầu nên C lấy 01 biển số khác (không rõ số) gắn vào xe rồi hai nam thanh niên điều khiển xe chạy đi. V chuyển khoản cho C 3.450.000 đồng, còn lại 3.250.000 đồng V giữ.

Sau khi ông S bị Nguyễn Thuận H chiếm đoạt xe mô tô biển số 59N2-856.13, ông S và bà T đến Công an xã V trình báo sự việc. Công an xã V lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý theo thẩm quyền. Qua truy xét, Công an bắt giữ được Khổng Minh C và C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, V giao nộp lại số tiền 3.250.000 đồng có được từ việc bán xe mô tô biển số 59N2-856.13.

Tại Kết luận định giá tài sản số 1869/KL-HĐĐG ngày 17/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận:

“- 01 xe mô tô biển số 66N1-025.34 hiệu Honda Wave Alpha, số khung: BY123165, số máy: B-2923196 trị giá 5.800.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 59M1-750.77, hiệu Honda Air Blade, số khung: RLHHC1216DY460955, số máy: HC12E4561138 trị giá 8.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 59N2-856.13 hiệu Honda Air Blade, số khung: RLHJF6302FZ497168, số máy: JF63E1159739 trị giá 14.250.000 đồng.

- 01 ba ga phía sau xe máy không xác định được kích thước nhãn hiệu, năm đưa vào sử dụng nên không xác định được giá trị.” (Bút lục số 21, 22)

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thuận H và Khổng Minh C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số: 59M1-750.77, số khung: RLHHC1216DY460955, số máy: HC12E4561138; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha, không gắn biển số, số khung: BY123165, số máy: B-2923196; 01 điện thoại Iphone 13 ProMax, Imei1: 358538325570965, Imei2:

358538325510854 và 01 sim thuê bao số: 0961.389.726, thu giữ của Trần Văn V, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho ông V; 01 biển số 66N1-025.34; 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, Imei: 357260099862566 và 01 sim thuê bao số: 0779.394.828 thu giữ của bị cáo Khổng Minh C; 01 xe đạp màu xanh nhãn hiệu Hitoso, 01 điện thoại Samsung FM-G900A, Imei: 353502063763740 và 01 sim thuê bao số: 0798.866.340, 01 áo có cổ màu xanh dương, 01 quần lửng thun màu xám thu giữ của bị cáo Nguyễn Thuận H; số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Khổng Minh C giao nộp; số tiền 3.500.000 đồng do ông Trần Văn V giao nộp; 01 USB hiệu KingTon; 01 USB màu đen hiệu SanDisk.

Tại bản Cáo trạng số 166/CT – VKS – HS ngày 16 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Truy tố bị cáo Nguyễn Thuận H về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Khổng Minh C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thuận H, Khổng Minh C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo C xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo H không phát biểu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thuận H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tổng hợp hình phạt của hai tội là 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Khổng Minh C từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Trí S số tiền 15.000.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị hại ông Lâm Văn G, bà Mai Thị T vắng mặt không lý do dù được tòa án triệu tập hợp lệ. Lời khai tại Cơ quan điều tra ông G, bà T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì về dân sự. Tại phiên tòa bị hại ông Nguyễn Trí S yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000 đồng giá trị xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 59N2-856.13 mà các bị cáo chiếm đoạt và xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thuận H, Khổng Minh C tại tòa hoàn toàn phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 356 – 368, 381 – 394); phù hợp với lời khai của các bị hại của ông Lâm Văn G, ông Nguyễn Trí S và bà Mai Thanh T tại Cơ quan điều tra (BL: 120, 139 – 141, 110 – 119); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai; bản ảnh hiện trường, Kết quả định giá tài sản... cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 08/05/2024, tại nhà số A10/13U ấp 1, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thuận H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 66N1-025.34 có trị giá 5.800.000 đồng của ông Lâm Văn G. Đến ngày 26/05/2024, với cách thức và thủ đoạn trên bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 59M1-750.77 có trị giá 8.000.000 đồng của bà Mai Thị T tại nhà không số ấp 25, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua thẩm tra, xét hỏi công khai tại phiên tòa cùng với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi bị cáo chiếm đoạt xe mô tô biển số 59M1-750.77 của bà T trên đường tẩu thoát bị ông Nguyễn Trí S phát hiện, tông vào xe bị cáo đang điều khiển làm các xe ngã xuống đường. Lúc này, lợi dụng sơ hở của ông S bị cáo H nhanh chóng chạy lại dựng xe mô tô biển số 59N2-856.13 (có trị giá 14.250.000 đồng) của ông S lên nhanh chóng điều khiển tẩu thoát.

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thuận H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 và Khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Đối với bị cáo Khổng Minh C khi mua các xe mô tô biển số 66N1-025.34 và xe mô tô biển số 59N2-856.13 của bị cáo H, bị cáo C biết rõ các xe mô tô này là do bị cáo H phạm tội mà có nhưng vì ham lời vẫn mua xe để bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, hành vi của bị cáo Khổng Minh C đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo với các tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội, không oan sai.

(Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số 1869/KL-HĐĐG ngày 17/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh)

[5] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên các bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa C.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm phạm tội 02 lần trở lên, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử các bị cáo; đồng thời áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hình phạt hai tội đối với bị cáo H là phù hợp.

[7] Về nhân thân các bị cáo: Tính đến ngày phạm tội bị cáo H có 01 tiền sự chưa được xóa, cụ thể: Ngày 25/01/2021, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, với thời gian chấp hành 21 tháng, theo Quyết định số 114/QĐ – TA. Do đó, khi lượng Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân bị cáo H mà có mức án nghiêm.

[8] Đối với Hà Nhân Đ1 và Trần Văn V: Qua điều tra xác định Đ1 và V biết các xe mô tô biển số 66N1-025.34 và 59N2-856.13 là tài sản do phạm tội mà có nhưng Đ1 liên lạc để mua lại xe mô tô biển số 66N1-025.34 (đã tháo biển số) với giá rẻ; V giúp sức cho C đăng bán xe mô tô biển số 59N2-856.13 lên trang “Chợ tốt” khi xe không có biển số, không giấy tờ, khi những thanh niên mua xe có yêu cầu thì V và C lại tìm 01 cái biển số gắn vào để chia tiền hưởng được. Do đó, hành vi của Hà Đ1 Nhân và Trần Văn V đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đ1 và V để xử lý trong vụ án khác theo Quyết định số 865/QĐ – CSHS ngày 24/11/2025 và Quyết định số 866/QĐ – CSHS ngày 26/11/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[9] Đối với người thanh niên chạy Grab giúp bị cáo H đẩy xe mô tô biển số 59M1-750.77, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để xác minh, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình;

Hội đồng xét xử áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là phù hợp.

[11] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số: 59M1-750.77, số khung: RLHHC1216DY460955, số máy: HC12E5461138. Qua xác minh, xe do ông Đặng Ngọc Đ2 đứng tên chủ sở hữu, ông Đ2 đã tặng cho vợ chồng bà Mai Thanh T không làm thủ tục sang tên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả xe cho bà T, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với xe mô tô hiệu HondaWave Alpha, không gắn biển số, số khung: BY123165, số máy: B-2923196, Cơ quan cảnh sát điều tra đã làm thủ tục giao trả cho bị hại ông Lâm Văn G, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 điện thoại Iphone 13 ProMax, Imei1: 358538325570965, Imei2: 358538325510854 và 01 sim thuê bao số: 0961.389.726, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho Trần Văn V, xét đây là công cụ, phương tiện phạm tội mà cơ quan điều tra đang khởi tố điều tra xử lý đối với ông V, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành thu giữ vật chứng nêu trên để xử lý trong vụ án đang điều tra.

Đối với 01 biển số 66N1-025.34 thu giữ của Khổng Minh C, đây là xe biển số xe mô tô do ông Lâm Văn G đăng ký, Hội đồng xét xử tuyên giao trả biển số xe này lại cho ông G là phù hợp.

Đối với điện thoại di động hiệu Iphone XSMax, Imei: 357260099862566 và 01 sim thuê bao số: 0779.394.828 thu giữ của bị cáo Khổng Minh C; 01 điện thoại Samsung FM-G900A, Imei: 353502063763740 và 01 sim thuê bao số: 0798.866.340 và 01 xe đạp màu xanh nhãn hiệu Hitoso thu giữ của bị cáo Nguyễn Thuận H. Các điện thoại và xe đạp trên thuộc quyền sở hữu của các bị cáo nhưng các bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội Hội đồng xét xử không xét trả lại cho các bị cáo mà tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 áo có cổ màu xanh dương, 01 quần lửng thun màu xám thu giữ của Nguyễn Thuận H, đây là quần áo của bị cáo H, bị cáo từ chối nhận lại, xét các đồ vật trên không còn giá trị sử dụng sẽ tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng do Khổng Minh C giao nộp; số tiền 3.500.000 đồng do Trần Văn V giao nộp, xét số tiền này là do mua bán xe trộm cắp mà có, đây là tiền thu nhập bất chính Hội đồng xét xử tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 01 USB hiệu KingTon bên trong có chứa 01 đoạn video ghi nhận lại hình ảnh bị cáo H trộm cắp tài sản tại trước địa chỉ A10/13U ấp 1, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; 01 USB màu đen hiệu SanDisk có chứa 02 đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo H trộm cắp tài sản tại nhà không số ấp 25, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[12] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Trí S yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thuận H, Không Minh C bồi thường số tiền 15.000.000 đồng giá trị xe mô tô hiệu Honda Air Blade, biển số 59N2-856.13 mà các bị cáo chiếm đoạt. Tại phiên mỗi bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 7.500.000 đồng. Xét sự thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với các bị hại ông Lâm Văn G, bà Mai Thị T không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 171, Khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thuận H.

Căn cứ Khoản 1 Điều 323, Điều 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Không Minh C.

Căn cứ điểm a Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thuận H 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo chấp hành C hình phạt của hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2024.

Xử phạt bị cáo Không Minh C 02 (hai) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2024.

Về vật chứng:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX, Imei: 357260099862566 và 01 sim thuê bao số: 0779.394.828; 01 điện thoại Samsung FM-G900A, Imei: 353502063763740 và 01 sim thuê bao số: 0798.866.340; 01 xe đạp màu xanh nhãn hiệu Hitoso và số tiền 4.500.000 đồng.

Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án 01 USB hiệu KingTon; 01 USB màu đen hiệu SanDisk (đang lưu hồ sơ vụ án).

Tịch thu tiêu hủy 01 áo có cổ màu xanh dương, 01 quần lửng thun màu xám.

Trả lại cho ông Lâm Văn G biên số 66N1-025.34.

(các vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, theo Biên bản giao nhận tang tài vật được lập vào ngày 08/9/2025 giữa Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 và Công an Thành phố Hồ Chí Minh).

Ghi nhận các phần vật chứng khác đã được giải quyết xong.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thuận H, Không Minh C mỗi bị cáo bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Trí S số tiền 7.500.000 đồng. Việc các bị cáo bồi thường cho bị hại phải thực hiện ngay khi bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc thi hành án thì còn phải trả thêm tiền lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo H và C mỗi bị cáo còn phải chịu thêm 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và đương sự có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10. TPHCM;
- Trại tạm giam Chí H – Phân trại tạm giam khu vực Bình Trị Đông (cơ sở);
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS.KV10-TP.HCM
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Sơn